| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ K**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2021/DS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Hoa Hường;

2. Ông Huỳnh Mộc Khải.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà:*** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 70/2021/TLST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1930; nơi cư trú: tổ 9, khóm Ct1, phường Cp, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Pg, sinh năm 1968; nơi cư trú: tổ 9, khóm Ct1, phường Cp, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lưu Minh B, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 13, khóm Ct1, phường Cp, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt lần thứ hai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A ngày 18/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Pg đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Tháng 3/2018 bà A có cho ông B vay số tiền 5.000.000 đồng và có góp cho bà A mỗi ngày 150.000 đồng, góp được 10 ngày, số tiền 1.500.000 đồng thì

ông B có vay thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng 2 lần vay là 15.000.000 triệu đồng. Sau khi vay xong thì B không trả và nhiều lần tránh mặt bà A. Sự việc được hòa giải tại Ban khóm Ct1, phường Cp, ông B thừa nhận có nợ và hứa trả dần nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà A yêu cầu ông B phải trả cho bà số tiền vay 13.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Biên bản hòa giải tại Văn phòng Ban khóm Ct1, phường Cp ngày 17/02/2021.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý số 70/TB-TLVA ngày 15/3/2021 cho ông B, ông B trực tiếp ký nhận mà không có ý kiến phản hồi. Do đó Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại Ban khóm Ct1, phường Cp, thành phố K. Đại diện Ban khóm Ct1 cho biết: Ngày 17/02/2021 tại Văn phòng Ban khóm Ct1 tổ chức hòa giải việc tranh chấp vay tiền giữa bà A và ông B cùng cư trú tại khóm Ct1, phường Cp, thành phố K. Tại phiên hòa giải các bên thừa nhận vốn vay 15.000.000 đồng, tuy nhiên ông B trả được 1.500.000 đồng (góp mỗi ngày 150.000 đồng/ngày/10 ngày). Số tiền còn lại 13.500.000 đồng, bà A yêu cầu trả ngay, ông B cho rằng có hoàn cảnh khó khăn nên khi nào đi làm có tiền sẽ trả dứt điểm số nợ còn lại cho bà A. Ông B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, khóm Ct1, phường Cp, thành phố K, tỉnh An Giang và sinh sống thường xuyên cùng vợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ Biên bản hòa giải tại Ban khóm Ct1, phường Cp, thành phố K thì ông B có thừa nhận vay và nợ của bà A nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bị đơn mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ giữa bà A và ông B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Do đó, việc bà A khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền còn nợ là 13.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lưu Minh B, sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ 13, khóm Ct1, phường Cp, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[3] Về vốn vay, lãi vay:

Bà A khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ vay 13.500.000 đồng được ông B thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 17/02/2021 do Ban khóm Ct1, phường Cp lập.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ông B có vay của bà A 15.000.000 đồng trả được 1.500.000 đồng, còn lại 13.500.000 đồng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, bà A yêu cầu ông B trả nợ 13.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà A số tiền 13.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 675.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Buộc ông Lưu Minh B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 13.500.000 (mười ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lưu Minh B phải chịu 675.000 (sáu trăm, bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).